



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN HỢP TÁC LAO ĐỘNG VỚI NƯỚC NGOÀI
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (gọi tắt là "Công ty") đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Trung Hà	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2020) Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 06 năm 2020)
Ông Phạm Sĩ Tú	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2020) Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 06 năm 2020)
Ông Hoàng Linh Sơn	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Sinh	Thành viên
Ông Mai Thanh Bình	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Biên	Thành viên
Bà Vũ Hoàng Phương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2020)
Bà Trịnh Thị Nga	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2020)
Ông Nguyễn Bà Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2020)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Linh Sơn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020) Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)
Ông Lê Trung Hà	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hồng Hải	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 10 năm 2020) Trưởng Ban (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2020)
Bà Lương Thu Hoài	Trưởng Ban (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 10 năm 2020) Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2020)
Ông Nguyễn Quốc Chiên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2020)
Ông Lê Vũ Cường	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Hoàng Linh Sơn - Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



*** Hoàng Linh Sơn**

Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2021

Số: 032703/2021/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2021, từ trang 6 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số II phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lỗ lũy kế của Công ty là 93.007.660.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 102.313.591.240 đồng). Dịch bệnh COVID-19 đã và đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của các cổ đông và việc gia hạn thanh toán các khoản nợ phải trả nhà cung cấp, xóa nợ gốc của ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, cũng như các diễn biến của dịch COVID - 19. Những điều kiện này cùng các vấn đề khác trình bày tại Thuyết minh số 2 cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng quan trọng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty

Y kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2019-072-01
Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2021

A blue handwritten signature of Nguyễn Huy Hùng.

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2018-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		33.087.985.795	42.244.301.780
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.689.783.660	10.632.070.269
1. Tiền	111		11.689.783.660	9.632.070.269
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	7.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	4.000.000.000	7.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.848.957.590	18.562.370.967
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.493.265.905	9.398.309.213
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		871.611.000	891.179.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.257.389.517	12.021.319.275
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.773.308.832)	(3.748.436.521)
IV. Hàng tồn kho	140		133.764.000	4.751.643.237
1. Hàng tồn kho	141	V.6	133.764.000	4.751.643.237
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		415.480.545	1.298.217.307
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	26.063.014	370.172.736
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		202.578.749	745.059.789
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	186.838.782	182.984.782
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.925.538.077	15.555.957.796
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	-	-
- Nguyên giá	222		2.794.300.102	4.339.655.771
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.794.300.102)	(4.339.655.771)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		97.929.100	97.929.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.929.100)	(97.929.100)
II. Bất động sản đầu tư	230	V.9	1.614.988.343	503.011.877
- Nguyên giá	231		2.250.951.098	1.026.649.439
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(635.962.755)	(523.637.562)
III. Tài sản dài hạn khác	260		10.310.549.734	15.052.945.919
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	10.310.549.734	15.052.945.919
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		45.013.523.872	57.800.259.576

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		25.959.019.395	48.069.543.842
I. Nợ ngắn hạn	310		19.349.736.884	31.280.241.967
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	2.320.673.201	11.039.231.098
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	901.237.274	526.111.191
3. Phải trả người lao động	314		13.238.120.587	12.766.160.123
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	-	3.511.648.334
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	2.317.824.226	2.129.109.625
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	35.300.000	535.300.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		536.581.596	772.681.596
II. Nợ dài hạn	330		6.609.282.511	16.789.301.875
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	400.000.000	400.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	6.209.282.511	16.389.301.875
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.054.504.477	9.730.715.734
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	19.054.504.477	9.730.715.734
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.003.910.000	61.003.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.003.910.000	61.003.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		47.158.330.000	47.158.330.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(685.057.621)	(685.057.621)
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.200.000	10.200.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(93.007.660.500)	(102.313.591.240)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		(102.313.591.240)	(105.192.372.991)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		9.305.930.740	2.878.781.751
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.574.782.598	4.556.924.595
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		45.013.523.872	57.800.259.576

[Handwritten signature]

Vũ Hoàng Phương
Người lập biểu

[Handwritten signature]

Vũ Hoàng Phương
Kế toán trưởng



Hoàng Linh Sơn
Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	134.119.479.032	86.651.827.746
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		134.119.479.032	86.651.827.746
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	123.729.754.060	73.351.414.950
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.389.724.972	13.300.412.796
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	767.563.964	876.948.651
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(2.871.164.435)	1.187.541.533
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(3.410.940.434)	586.613.110
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.212.505.856	10.119.847.833
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.815.947.515	2.869.972.081
11. Thu nhập khác	31	VI.6	10.291.755.169	1.372.716.268
12. Chi phí khác	32	VI.7	5.752.155.186	1.088.409.492
13. Lợi nhuận khác	40		4.539.599.983	284.306.776
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.355.547.498	3.154.278.857
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	31.758.755	82.071.356
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.323.788.743	3.072.207.501
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		9.305.930.740	2.878.781.751
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		17.858.003	193.425.750
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.531	474
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.531	474

Vũ Hoàng Phương
Người lập biểu

Vũ Hoàng Phương
Kế toán trưởng



Hoàng Linh Sơn
Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHI TIẾT	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	9.355.547.498	3.154.278.857
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	112.325.193	102.233.393
Các khoản dự phòng	03	(1.975.127.689)	409.915.751
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	8.211.329	(14.113.500)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(852.427.867)	(572.392.500)
Chi phí lãi vay	06	(3.410.940.434)	586.613.110
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	3.237.588.030	3.666.535.111
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	4.227.856.253	3.310.788.382
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	4.617.879.237	(94.363.606)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(8.505.071.545)	2.504.403.431
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	5.086.505.907	(3.832.533.338)
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.707.900)	(41.552.913)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(66.679.031)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(241.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.568.370.951	5.272.177.067
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.224.301.659)	-
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	(330.000.000)	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	(9.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.000.000.000	4.800.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	552.427.867	424.064.722
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.998.126.208	(3.775.935.278)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.500.000.108)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.500.000.108)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.066.497.051	1.496.241.789
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.632.070.269	9.135.828.480
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.783.660)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	18.689.783.660	10.632.070.269

Vũ Hoàng Phương
Người lập biểu

Vũ Hoàng Phương
Kế toán trưởng



Hoàng Linh Sơn
Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 77/1999/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 01 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải "về việc chuyển Công ty Hợp tác lao động với nước ngoài thành Công ty Cổ phần". Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055574 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 1999 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 61.003.910.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Tổ chức tuyển và đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn ngoại ngữ cho cán bộ công nhân viên hợp tác lao động với nước ngoài;
- Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động;
- Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, đại lý giao nhận hàng hoá;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa cho tàu biển trong và ngoài nước; và
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; Kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động; Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, đại lý giao nhận hàng hoá; Dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa cho tàu biển trong và ngoài nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 450 người (31 tháng 12 năm 2018 là 381 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và một công ty con.

Đơn vị	Nơi thành lập	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Chi nhánh				
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	100%	100%	Tổ chức tuyển và đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ cho cán bộ công nhân viên đi hợp tác lao động nước ngoài; Môi giới, đại lý và trực tiếp xuất khẩu lao động; Vận tải biển trong nước và nước ngoài kết hợp với đào tạo thuyền viên; Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận hàng hoá và môi giới hàng hải và dịch vụ cung ứng tàu biển và sửa chữa nhỏ cho tàu biển trong và ngoài nước.
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ INLACO	Hải Phòng	79,30%	79,30%	Vận tải đường bộ, đường biển và đào tạo huấn luyện thuyền viên, đưa người đi lao động và làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giá định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lỗ lũy kế của Công ty là 93.007.660.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 102.313.591.240 đồng). Dịch bệnh COVID - 19 đã và đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong vòng 12 tháng tới sẽ phụ thuộc vào sự hỗ trợ về tài chính của các cổ đông và việc được gia hạn thanh toán của các nhà cung cấp, xóa nợ vay phải trả từ ngân hàng thương mại có phần Hàng hải Việt Nam cũng như các diễn biến của dịch bệnh tại Việt Nam và trên toàn thế giới.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Các giải pháp đã và đang thực hiện gồm:

- Công ty thực hiện quyết liệt các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý chung, chi gián tiếp,....;
- Công ty sẽ điều chỉnh chính sách sử dụng lao động và chi phí lao động bao gồm chi phí lương của lãnh đạo, nhân viên, thuyền viên, và các bộ phận có liên quan;
- Tháng 3 năm 2020, Công ty đã thực hiện trả lại tàu VTB Brave cho ngân hàng, tạm dừng hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải do gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm đối tác trong khi chi phí để vận hành hoạt động này cao (khấu hao tàu và lãi vay lớn);
- Công ty đã và đang tiếp tục làm việc với ngân hàng thương mại có phần Hàng Hải Việt Nam để thực hiện chủ trương xóa nợ vay theo quy định của pháp luật.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền cũng như khả năng cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty kèm theo được trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức số kế toán được áp dụng của Công ty: Nhật ký chung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con khi hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Hệ thống quản lý an toàn hàng hải ISM CODE có thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 10 năm đối với nhà 03 tầng 138 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và 04 năm đối với nhà 02 tầng 138 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng; các khoản phí bảo hiểm thuyền viên; phí bảo hiểm thân tàu; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định (tàu biển) và chi phí trả trước dài hạn khác để có được quyền sử dụng đất tại số 138 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Khoản chi phí trả trước dài hạn khác nêu trên được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trên thời gian còn lại của quyền sử dụng đất.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	257.811.276	586.026.434
Tiền gửi ngân hàng	11.431.972.384	9.046.043.835
Các khoản tương đương tiền	7.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	18.689.783.660	10.632.070.269

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Hải Phòng (*)	1.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (**)	3.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	4.000.000.000	7.000.000.000

(*) Các Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - Chi nhánh Hải Phòng, lãi suất 4,8%/năm.

(**) Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 5,1%/ năm đến 6,3%/năm

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
KH thuê tàu VTB Brave	-	3.991.850.010
Công ty TNHH Hào Hưng	2.281.621.201	1.222.428.128
Inlaco Japan Co, Ltd	168.934.558	246.492.806
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất dầu khí - CTCP	683.232.000	715.330.000
Các khách hàng khác	1.359.478.146	3.222.208.269
Cộng	4.493.265.905	9.398.309.213

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược	5.236.374.592	5.092.560.832
Tạm ứng	30.000.000	936.628.030
Phải thu khác	991.014.925	5.992.130.413
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam về chi phí lên đà tàu	-	5.834.465.649
Phải thu bảo hiểm của Tổng công ty CP Bảo Minh	863.042.773	-
Phải thu khác	127.972.152	157.664.764
Cộng	6.257.389.517	12.021.319.275

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND
5. Nợ xấu					
Ký quỹ tại Chittagong - tàu VTB	Trên 3 năm	1.773.308.832	-	1.773.308.832	-
Công ty Xuân Việt		-	-	454.333.631	-
Chi nhánh công ty Xuân Việt Vitranchartt QN		-	-	117.598.378	-
Công ty CP Mặt trời việt		-	-	191.884.805	-
Công ty TNHH Turbo Power		-	-	180.000.000	-
Công ty CP KCN Phú Rừng		-	-	30.000.000	-
Công ty TNHH Việt Thắng		-	-	20.387.000	-
KDK Ship Charter LLC - Dubai - V13		-	-	762.446.875	-
Ký quỹ lại Chittagong - tàu VTB Brave		-	-	48.477.000	-
Công ty Anh Phát		-	-	130.000.000	-
Cộng		1.773.308.832	-	1.773.308.832	3.748.436.521

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
6. Hàng tồn kho				
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	4.624.557.237	-
Công cụ, dụng cụ	133.764.000	-	127.086.000	-
Cộng	133.764.000	-	4.751.643.237	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Phí bảo hiểm tàu	-	263.254.455
- Bảo hiểm tai nạn cho thuyền viên	26.063.014	33.281.917
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	73.636.364
Cộng	26.063.014	370.172.736
b. Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	98.474.624
- Chi phí sửa chữa lớn - tàu Inlaco Brave	-	3.423.793.174
- Chi phí trả trước dài hạn khác	10.310.549.734	11.530.678.121
Cộng	10.310.549.734	15.052.945.919

8. Tài sản cố định vô hình

	Hệ thống quản lý an toàn hàng hải ISM CODE VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	97.929.100	97.929.100
Số dư cuối năm	97.929.100	97.929.100
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	97.929.100	97.929.100
Số dư cuối năm	97.929.100	97.929.100
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

9. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.026.649.439	1.026.649.439
Tăng trong năm	1.224.301.659	1.224.301.659
Số dư cuối năm	2.250.951.098	2.250.951.098
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	523.637.562	523.637.562
Khấu hao trong năm	112.325.193	112.325.193
Số dư cuối năm	635.962.755	635.962.755
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	503.011.877	503.011.877
Tại ngày cuối năm	1.614.988.343	1.614.988.343

Số 4, Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	2.346.157.830		1.912.361.578		81.136.363		4.339.655.771
Thanh lý, nhượng bán	-		1.545.355.669		-		1.545.355.669
Số dư cuối năm	2.346.157.830		367.005.909		81.136.363		2.794.300.102
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	2.346.157.830		1.912.361.578		81.136.363		4.339.655.771
Thanh lý, nhượng bán	-		1.545.355.669		-		1.545.355.669
Số dư cuối năm	2.346.157.830		367.005.909		81.136.363		2.794.300.102
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu năm	-		-		-		-
Số dư cuối năm	-		-		-		-

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.794.300.102 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 4.339.655.771 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
PT Indo Fuels Limited	-	-	1.371.281.858	1.371.281.858
Công ty Cổ phần Container Phia Nam	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000
Công ty Cổ phần vận tải biển Ngọc Anh	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	-	-	2.553.661.212	2.553.661.212
Phải trả cho các đối tượng khác	1.320.673.201	1.320.673.201	4.714.288.028	4.714.288.028
Cộng	2.320.673.201	2.320.673.201	11.039.231.098	11.039.231.098

12. Thuế và các khoản phải thu phải trả Nhà nước

	Số đầu năm		Số đã thực nộp/bù trừ trong năm		Số cuối năm	
	VND	Số phải nộp trong năm VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.984.782	-	-	-	182.984.782	
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	3.854.000	3.854.000	-	3.854.000
Cộng	182.984.782	-	3.854.000	3.854.000	186.838.782	
b. Các khoản phải trả						
Thuế giá trị gia tăng	387.551.460	5.544.380.334	5.057.734.675	874.197.119		
Thuế nhập khẩu	-	99.302.817	99.302.817			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.819.431	31.758.755	66.679.031	10.899.155		
Thuế thu nhập cá nhân	92.740.300	246.872.400	323.471.700	16.141.000		
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	208.148.000	208.148.000	-		
Các loại thuế khác	-	11.024.000	11.024.000	-		
Cộng	526.111.191	6.141.486.306	5.766.360.223	901.237.274		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	-	3.440.648.334
Các khoản trích trước khác	-	71.000.000
Cộng	-	3.511.648.334

14. Phải trả khác ngắn hạn/ dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	803.687.317	834.785.335
Bảo hiểm xã hội	637.452.938	455.903.063
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	161.868.490	170.396.490
Phải trả thuyền viên	252.532.250	46.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	462.283.231	622.024.737
Cộng	2.317.824.226	2.129.109.625
b. Dài hạn		
Kinh phí công đoàn	400.000.000	400.000.000
Cộng	400.000.000	400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BAY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Dự án Inlaco land	35.300.000	35.300.000	-	-	35.300.000	35.300.000
Vay cá nhân	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	-	-
Tổng	535.300.000	535.300.000	-	-	35.300.000	35.300.000

16. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (*)	16.389.301.875	16.389.301.875	1.529.459	10.181.548.823	6.209.282.511	6.209.282.511
Cộng	16.389.301.875	16.389.301.875	1.529.459	10.181.548.823	6.209.282.511	6.209.282.511

(*) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0090/10/HP, ngày 04 tháng 10 năm 2010, số tiền nhận nợ là 5.500.000 USD, thời hạn vay là 12 năm 8 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD thời hạn 13 tháng trả lãi sau (+) biến đổi 3,5%/năm. Công ty sử dụng tiền vay để mua tàu ILC Union. Khoản vay này đã đến và quá hạn thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa thực hiện phân loại các khoản vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn với số tiền là 6.209.282.511 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	61.003.910.000	47.158.330.000	47.158.330.000	(685.057.621)	10.200.000	(105.192.372.991)	4.363.498.845	6.658.508.233	3.072.207.501	9.730.715.734	9.323.788.743	19.054.504.477	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.878.781.751	193.425.750						
Số dư cuối năm trước	61.003.910.000	47.158.330.000	47.158.330.000	(685.057.621)	10.200.000	(102.313.591.240)	4.556.924.595	9.730.715.734	17.858.003	19.054.504.477	19.054.504.477		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	9.305.930.740							
Số dư cuối năm nay	61.003.910.000	47.158.330.000	47.158.330.000	(685.057.621)	10.200.000	(93.007.660.500)	4.574.782.598	19.054.504.477	19.054.504.477	19.054.504.477	19.054.504.477		

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Số cổ phiếu	Cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.100.391	6.100.391	6.100.391	6.100.391
- Cổ phiếu phổ thông	6.100.391	6.100.391	6.100.391	6.100.391
Số lượng cổ phiếu quỹ	21.320	21.320	21.320	21.320
- Cổ phiếu phổ thông	21.320	21.320	21.320	21.320
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.079.071	6.079.071	6.079.071	6.079.071
- Cổ phiếu phổ thông	6.079.071	6.079.071	6.079.071	6.079.071

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**18. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuê tàu ILC Friendship (i)	762.446.875	-
Công ty Xuân Việt (i)	454.333.631	-
Vitranchart QN (i)	191.884.805	-
Chi nhánh công ty Xuân Việt (i)	117.598.378	-
Cộng	1.526.263.689	-

(i) Theo quyết định số 09-2/QĐ/HTLD ngày 15 tháng 06 năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài, Công ty đã thực hiện xóa nợ đối với các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ vận tải	14.880.625.825	53.696.066.577
Doanh thu dịch vụ hàng hải	1.550.230.323	1.712.136.876
Doanh thu cho thuê thuyền viên	115.943.554.633	30.269.069.517
Doanh thu cho thuê văn phòng	753.033.780	974.554.776
Doanh thu bán hàng hóa	992.034.471	-
Cộng	134.119.479.032	86.651.827.746

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	22.790.216.723	56.403.579.326
Giá vốn dịch vụ hàng hải	559.491.363	801.131.861
Giá vốn cho thuê thuyền viên	98.813.616.642	15.534.755.818
Giá vốn cho thuê văn phòng	705.104.924	611.947.945
Giá vốn bán hàng hóa	861.324.408	-
Cộng	123.729.754.060	73.351.414.950

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	552.427.867	572.392.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	215.136.097	304.556.151
Cộng	767.563.964	876.948.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	544.152.919	586.613.110
Xóa nợ lãi dự án mua tài Inlaco Brave và ILC Union	(3.955.093.353)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	83.948.530	138.003.008
Chi phí tài chính khác	455.827.469	462.925.415
Cộng	(2.871.164.435)	1.187.541.533

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.805.117.236	6.691.581.370
Chi phí đồ dùng văn phòng	154.866.323	165.447.385
Hoàn nhập dự phòng các khoản phải thu	(448.864.000)	-
Chi phí trích lập dự phòng các khoản phải thu	-	409.915.751
Thuế, phí và lệ phí	52.885.000	153.717.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.814.847.810	2.093.597.297
Chi phí bằng tiền khác	833.653.487	605.589.030
Cộng	9.212.505.856	10.119.847.833

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	300.000.000	-
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	9.016.227.103	1.357.859.459
Các khoản khác	975.528.066	14.856.809
Cộng	10.291.755.169	1.372.716.268

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí sửa chữa tàu	5.496.625.370	1.035.392.382
Chi phí lãi chậm nộp BHXH	8.685.016	12.948.700
Các khoản khác	246.844.800	40.068.410
Cộng	5.752.155.186	1.088.409.492

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Công ty Cổ phần hợp tác lao động với nước ngoài	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Inlaco	31.758.755	82.071.356
Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.758.755	82.071.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	9.305.930.740	2.878.781.751
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>9.305.930.740</u>	<u>2.878.781.751</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.079.071	6.079.071
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.531</u>	<u>474</u>
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.531</u>	<u>474</u>

10. Chi phí theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.069.334.481	23.069.334.481
Chi phí nhân công	21.394.982.107	27.500.736.141
Chi phí khấu hao tài sản cố định	112.325.193	102.233.393
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.532.083.648	31.668.585.991
Chi phí khác bằng tiền	833.534.487	661.729.025
Cộng	<u>132.942.259.916</u>	<u>83.002.619.031</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động; bộ phận vận tải, bộ phận cho thuê thuyền viên, bộ phận khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận vận tải: Chủ yếu thực hiện chức năng vận chuyển hàng hóa trên đường biển

Bộ phận cho thuê thuyền viên: Chủ yếu thực hiện cung ứng thuyền trưởng, thuyền viên cho các tàu

Bộ phận khác: Chủ yếu thực hiện hoạt động cho thuê văn phòng, đại lý cảng.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Hoạt động vận tải		Hoạt động cho thuê thuyền viên		Các hoạt động khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu							
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.880.625.825	115.943.554.633	115.943.554.633	3.295.298.574	134.119.479.032		
Tổng Doanh thu	<u>14.880.625.825</u>	<u>115.943.554.633</u>	<u>115.943.554.633</u>	<u>3.295.298.574</u>	<u>134.119.479.032</u>		
Khấu hao và chi phí phân bổ	22.790.216.723	98.813.616.642	98.813.616.642	2.125.920.695	123.729.754.060		
Kết quả kinh doanh							
Kết quả kinh doanh bộ phận	(7.909.590.898)	17.129.937.991	17.129.937.991	1.169.377.879	10.389.724.972		
Chi phí không phân bổ					6.341.341.421		
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(7.909.590.898)	17.129.937.991	17.129.937.991	1.169.377.879	4.048.383.551		
Doanh thu từ các khoản đầu tư					767.563.964		
Lãi/(lỗ) khác					4.539.599.983		
Lợi nhuận trước thuế					9.355.547.498		
Chi phí thuế TNDN					31.758.755		
Lợi nhuận trong năm					<u>9.323.788.743</u>		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hoạt động vận tài		Hoạt động cho thuê thuyền viên		Các hoạt động khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu								
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	53.696.066.577		30.269.069.517		2.686.691.652		86.651.827.746	
Tổng Doanh thu	53.696.066.577		30.269.069.517		2.686.691.652		86.651.827.746	
Khấu hao và chi phí phân bổ	56.403.579.326		15.534.755.818		1.413.079.806		73.351.414.950	
Kết quả kinh doanh								
Kết quả kinh doanh bộ phận	(2.707.512.749)		14.734.313.699		1.273.611.846		13.300.412.796	
Chi phí không phân bổ							11.307.389.366	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.707.512.749)		14.734.313.699		1.273.611.846		1.993.023.430	
Doanh thu từ các khoản đầu tư							876.948.651	
Lãi/ (lỗ) khác							284.306.776	
Lợi nhuận trước thuế							3.154.278.857	
Chi phí thuế TNDN							82.071.356	
Lợi nhuận trong năm							3.072.207.501	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)**

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Hoạt động vận tải		Hoạt động cho thuê thuyền viên		Các hoạt động khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản								
Tài sản bộ phận	1.879.351.533	6.647.532.229	3.064.606.677	11.591.490.439				
Tài sản không phân bổ	-	-	-	33.422.033.433				
Tổng tài sản				45.013.523.872				
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phận	7.663.760.892	12.164.704.775	586.528.612	20.414.994.279				
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	5.544.025.116				
Tổng nợ phải trả				25.959.019.395				

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hoạt động vận tải		Hoạt động cho thuê thuyền viên		Các hoạt động khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản								
Tài sản bộ phận	25.931.523.401	3.545.937.314	12.116.929.665	41.594.390.380				
Tài sản không phân bổ	-	-	-	16.205.869.196				
Tổng tài sản				57.800.259.576				
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phận	29.752.988.927	11.879.365.926	4.603.096.202	46.235.451.055				
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.834.092.787				
Tổng nợ phải trả				48.069.543.842				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 4 Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và công ty con đặt tại số 138 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Trụ sở chính của Công ty mẹ và Công ty con cùng địa phương, do đó công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao của HĐQT và BGĐ	1.488.213.000	936.153.000
Cộng	1.488.213.000	936.153.000

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Hoàng Phương
Người lập biểu



Vũ Hoàng Phương
Kế toán trưởng



* Hoàng Linh Sơn
Giám đốc

Ngày 27 tháng 03 năm 2021